

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ - ST.

Ngày 19 -10- 2022.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký tòa án thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1981.

* **Bị đơn:**Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Cùng ĐKKHKT: Thôn K, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Cùng chỗ ở: Số nhà 15, ngõ 159, đường Đ, tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt anh H, chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 22/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là thành phố P), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tại thời điểm đó do anh H bị tai nạn lao động phải nằm điều trị 3 tháng thì chị T bắt đầu có biểu hiện ngoại tình. Đã có lần anh H chứng kiến việc chị T đi nhà nghỉ với người đàn ông khác nên giữa anh H và chị T đã xảy ra xô sát. Nhiều lần anh H nhắc nhở vợ nhưng chị T không dừng lại mà còn tiếp tục thuê nhà sống với người đàn ông khác. Do không giải quyết được khúc mắc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022, trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Kiều A, sinh ngày 06/5/2009; cháu Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 06/5/2011; cháu Nguyễn Phương A2, sinh ngày 27/3/2013. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Con riêng, con nuôi: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Phần trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị T:**

Về hôn nhân: Ngày, tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn chị T công nhận lời khai của anh H là đúng.

Theo chị T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H luôn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình và ghen tuông vô cớ. Cũng vì ghen tuông nên anh H thường chửi bới vợ con thậm chí cấm đoán chị T không được giao lưu quan hệ bạn bè. Do cuộc sống quá căng thẳng không giải tỏa được nên từ tháng 5/2022 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh H khai. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung và yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/cháu.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Anh H và chị T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về phần con chung: Cả anh H chị T đề có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 3 con chung. Khi được nuôi con anh H không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Chị T yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/cháu.

Về con riêng, con nuôi: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Anh H, chị Tươi không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:**

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc

tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; 54; 55; 81; 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ - QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Xuân H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 27/3/2013. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H.

Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là các cháu Nguyễn Kiều A2, sinh ngày 06/5/2009 và cháu Nguyễn Quỳnh A3, sinh ngày 06/5/2011. Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi cả hai con chung trưởng thành tự lập được.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định.

[1] Về tố tụng: Vụ án: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 5 năm 2007 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Quá trình chung sống cả anh H, chị T đều nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc vì không có niềm tin dành cho nhau. Cả hai không dành tình cảm yêu thương cũng như quan tâm chăm lo vun vén cho gia đình và mỗi người đều sống theo cách riêng của mình đã khiến cho cuộc hôn nhân luôn trong trạng thái căng thẳng. Đến nay, cả hai đều nhận không thể kéo dài tình trạng hôn nhân do mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H và chị T thuận tình ly hôn

nên HĐXX áp dụng điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Kiều A1, sinh ngày 06/5/2009; cháu Nguyễn Quỳnh A2, sinh ngày 06/5/2011; cháu Nguyễn Phương A3, sinh ngày 27/3/2013, khi ly hôn cả anh H và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả ba con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xét thấy cả hai đều có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con ngang nhau. Tuy nhiên hai cháu Kiều A1, Quỳnh A2 hiện đang ở với mẹ, việc học hành đã ổn định tại trường Trung học cơ sở C và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Cháu Phương A3 đang được bố chăm sóc, nuôi dưỡng và sinh sống ổn định tại xã T, nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục ở với bố. Vì vậy để đảm bảo lợi ích của các cháu, giao anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A3; giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Kiều A1 và Nguyễn Quỳnh A2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được.

[5] Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H, chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh H phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271; 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Giao anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương A3, sinh ngày 27/3/2013. Giao chị Nguyễn Thị T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Kiều A1 sinh ngày 06/5/2009, cháu Nguyễn Quỳnh A2 sinh ngày 06/5/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được.

Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là

1.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000427 ngày 25/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Anh H phải nộp thêm 150.000đ.

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã T, TP P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Duy